



\* Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn Q và là người có quyền lợi liên quan có kháng cáo: Chị Bùi Thị Hoài T2 (là vợ anh Q), sinh năm 1989; nơi cư trú: số F N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

+ Bà Nguyễn Thị H2 (là mẹ anh Q), sinh năm 1959; nơi cư trú: Xóm Đ, khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T (là vợ bị cáo H), sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số A M, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. Cháu Nguyễn Minh Q1 (là con anh Q), sinh ngày 03/02/2011. Người giám hộ, đại diện hợp pháp của cháu Q1 là chị Bùi Thị Hoài T2 (là mẹ cháu Q1). Cùng nơi cư trú: Số F N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt chị T2.

4. Anh Nguyễn Văn M (em trai anh Q), sinh năm 1996, Hộ khẩu thường trú: 2 D, khu F, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; tạm trú tại: số F N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Người làm chứng:

\* **Các bị án có liên quan đến kháng cáo được trích xuất và triệu tập:**

1. Nguyễn Hữu V1, sinh năm 1988, tại Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi sinh sống: thôn Y, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương; hiện đang chấp hành án từ ngày 13/9/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

2. Bùi Văn D, sinh năm 1985, tại Hưng Yên; nơi đăng ký thường trú: Phố Đ, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; nơi sinh sống: số C V, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

3. Trần Văn H4, sinh năm 1987, tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; hiện đang chấp hành án (treo), có mặt.

**Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990, trú tại xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

2. Chị Phạm Thị H5, sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. Chị An Thị T3, sinh năm 1996, trú tại thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1987, trú tại thôn C, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

5. Cháu Trịnh Minh T4, sinh năm 2008; nơi cư trú: Số A M, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 13/10/2020, anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984 ở số F N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương là giám đốc Công ty cổ phần B tổ chức liên hoan cho nhân viên nhân ngày “Doanh nhân Việt Nam”, những người có mặt tham gia gồm các anh/chị: Phạm Thị H5, sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Thị N, sinh năm 1990, trú tại xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; An Thị T3, sinh năm 1996, trú tại thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Đình S, sinh năm 1987, trú tại thôn C, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Bùi Văn D, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố Đ, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Hữu V1, sinh năm 1988, trú tại thôn Y, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương tại quán ăn T5 có địa chỉ tại khu I, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương do chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986, trú tại số A M, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương làm chủ. Trong buổi liên hoan này, chị N có mời Trần Văn H4, sinh năm 1987 là giáo viên dạy thực hành lái xe, H4 lại rủ bạn là Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 cùng là giáo viên dạy lái xe đến dự liên hoan.

Khoảng 12 giờ 15 phút, anh Nguyễn Văn Q đến tham dự. Khoảng 14 giờ, sau khi H4 nghe điện thoại quay lại bàn ăn, Q mời H4 và mọi người uống bia nhưng H4 không uống. H4 nói với Q “...mày tuổi gì mà ép tao uống”, Q đứng dậy chỉ tay về phía H4 nói “...mày tuổi gì uống với tao”, dẫn đến cãi chửi nhau. Lúc này, Nguyễn Văn H ngồi bên cạnh Q liền đứng dậy dùng tay phải quàng cổ, tay trái nắm 2-3 phát vào mặt Q, lấy vỏ chai bia S, loại 330ml ở bàn ăn đập 01 phát vào đỉnh thái dương trái Q làm rách da, chảy máu, vỡ vỏ chai bia. Khi bị đánh, Q dùng tay nắm lại H. Thấy đánh nhau, các chị H5, N, T3 và anh S bỏ chạy ra phía ngoài sân. D và V1 vào can ngăn H, Q đánh nhau. H4 cũng vào can thì D và H4 lôi kéo, đùn đẩy nhau. Q và H tiếp tục sử dụng bát sứ và cốc để đánh, ném nhau. Khi V1 chạy đến kéo Q ra, H tiếp tục cầm vỏ chai bia S đập về phía Q, V1 đưa tay phải ra đỡ cho Q thì bị trúng vào mu bàn tay phải làm rách da, chảy máu vùng kẽ ngón II, III. V1 dùng chân trái đạp 01 phát vào ngực H làm H lùi lại phía sau. Sau đó, H, H4 chạy ra dây bàn sát bờ sông; Q, V1 và D chạy ra dây bàn ở sân. Hai bên đứng cách nhau khoảng 6-7m, sử dụng bát, đĩa sứ, cốc thủy tinh, vỏ chai bia ném về phía nhau. V1 chạy ra bể nước lấy 01 con dao dài 40cm, bản rộng nhất 7,3cm để đánh nhau nhưng được mọi người ngăn cản nên không chém được ai; Q cầm 01 vỏ chai bia lao về phía H từ cách khoảng 02 - 03m ném về phía H nhưng không trúng và tiếp tục lao vào áp sát để đánh nhau với H thì bị H cầm vỏ chai bia ở tay phải đập từ trên xuống dưới trúng vào đỉnh đầu bên trái của Q. Q lùi lại, ôm đầu, đi loạng choạng được chị N đỡ ngồi gần quầy thanh toán. Lúc này, V1 và D lôi H ra vị trí phía sau xe ô tô tập lái của H, D quật ngã H và dùng tay nắm 2-3 phát vào mặt, mắt bên phải, dùng chân đá 2-3 phát vào người H, V1 dùng vỏ chai bia đập một nhát vào đỉnh

đầu Hữu. Sau khi bị H đánh, Q bất tỉnh được V1, D và những người khác đưa đi Bệnh viện đa khoa tỉnh H cấp cứu. Hậu quả Nguyễn Văn Q bị chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng lớn bán cầu não bên trái, vỡ xương thái dương đỉnh trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 99%; Nguyễn Văn H bị thương tích tổn hại 08% sức khỏe; Nguyễn Hữu V1 bị thương tích tổn hại 02% sức khỏe; chị H3 (chủ quán) bị thiệt hại về tài sản trị giá 540.000 đồng.

*Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện:* Hiện trường vụ án tại quán ăn T5, ở khu I, phường T, thành phố H do chị Nguyễn Thị H3, 1986, trú tại số A, M, phường L, thành phố H làm chủ. Lán có diện tích 7,94m x 3,26m, hướng Nam tiếp giáp với bờ sông S (sông K), hướng Đông tiếp giáp với khu vực sân của quán, hướng Bắc tiếp giáp lán bên cạnh và sân của quán, hướng Tây tiếp giáp với khu vực bãi đất trống. Lán được xây dựng bằng các tuýp sắt, lợp mái tôn, có hàng rào bao quanh cao 70cm, có 01 cửa ra vào hướng T và một cửa ra vào hướng Đ. Trong lán được kê 03 chiếc bàn có chân khung bằng thanh sắt hộp 1,5cm, mặt bàn có kích thước 1,59m x 0,8 m, cao 70cm, mặt bàn được kê bằng 02 viên gạch lát nền kích thước 80cm x 80 cm. Bàn số 1 và số 2 được kê sát nhau, bàn số 1 cách mép cửa lán phía Đông 56cm trên bàn có 01 bếp từ và các đĩa chứa thức ăn đã bị xáo trộn, quanh bàn được đặt các ghế nhựa. Bàn thứ hai sát bàn thứ nhất bị lệch về hướng Nam so với bàn thứ 1 là 20cm, tại mặt bàn thứ hai hướng Đ bị nứt vỡ theo chiều hướng từ trên xuống dưới kích thước 47cm x 48cm (ký hiệu 01). Tại khu vực nền lán bàn 01, 02 phát hiện có nhiều mảnh thủy tinh màu trắng, màu xanh bị vỡ vụn, quanh khu vực thủy tinh vỡ có nhiều dấu vết máu nhỏ giọt bám dính trên bề mặt ghế nhựa, trên mặt bàn 1, 2 và 3 kích thước 7,70m x 3,26m (ký hiệu 02). Cách đầu bàn 03 về phía Đông khu vực tường rào của lán 27cm phát hiện 01 bình inox trên mặt bình có ký hiệu búa liềm và chữ CCCP, bình hình chữ nhật hơi cong có kích thước 37cm x 23cm, dày 07cm, trong bình có chứa dung dịch màu trắng (nghi rượu) phần đáy bình có nún, bẹp kim loại theo chiều hướng từ ngoài vào trong từ dưới lên trên, kích thước 5cm x 2cm (ký hiệu 03), ngay sát vết bẹp, nún trên có vùng bám dính máu diện 4cm x 4cm, tại vị trí quan sát trên mặt bàn 3 có đặt 01 bếp từ và nồi lẩu, bát đĩa đựng thức ăn. Tiến hành khám nghiệm từ hướng Nam về hướng Bắc, vị trí lán ngồi sát bờ sông lên đê, tại mặt cửa hướng Đông của lán kéo dài về trong quán khu vực sân phát hiện nhiều vùng thủy tinh vỡ chai và máu nhỏ giọt kéo dài từ đầu lán về phía Bắc kích thước 11m x 1m (ký hiệu 4), cách cuối vết 04 về hướng Bắc lên đê 3,5m tại bờ tường bếp của quán phát hiện 01 con dao đã cũ trên bề mặt đã bị han rỉ, có 01 thanh giăng ngang qua lưỡi dao, kích thước dài 40cm, phần kim loại rộng nhất 7,3cm, chuôi dao dài 12cm (ký hiệu 5). Mở rộng hiện trường ra xung quanh không phát hiện dấu vết gì.

Giấy chứng nhận thương tích ban đầu số 19 ngày 14/10/2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh H (Bệnh án số 37603) đối với Nguyễn Văn Q: Vào viện lúc 14 giờ 48 phút ngày 13/10/2020, ra viện 14/10/2020, chẩn đoán chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng lớn bán cầu não bên trái, vỡ xương thái dương (đỉnh trái). Ngày 14/10/2020 chuyển lên bệnh viện V2, ra viện ngày 04/12/2020, chẩn đoán: Chấn thương sọ não. Ngày 04/12/2020 chuyển về Bệnh viện đa khoa

tỉnh H, ra viện ngày 22/01/2021, chẩn đoán: Hậu phẫu máu tụ ngoài màng cứng. Trích sao bệnh án số 3596/21 của Bệnh viện V2: Ngày vào viện 24/3/2021, ngày ra viện 29/3/2021, chẩn đoán lúc vào: Khuyết sọ. Tóm tắt hồ sơ bệnh án của Bệnh viện phục hồi chức năng: Vào viện ngày 29/4/2021, ra viện ngày 10/5/2021, chẩn đoán: Liệt hai bên nửa người di chứng chấn thương sọ não/tăng huyết áp + động kinh (G82/I10+G40).

Bệnh án ngoại số 37553 của Bệnh viện đa khoa tỉnh H (trích sao) cấp cho bệnh nhân Nguyễn Văn H thể hiện: Vào viện hồi 17 giờ ngày 13/10/2020, ra viện hồi 16 giờ ngày 16/10/2020, chẩn đoán: Vết thương đầu - chấn động não do bị đánh; chấn thương hố mắt - vỡ thành trong ổ mắt (P). Bệnh án ngoại số 41102 của Bệnh viện đa khoa tỉnh H (trích sao) cấp cho bệnh nhân Nguyễn Văn H thể hiện: Vào viện hồi 06 giờ ngày 08/11/2020; ra viện hồi 16 giờ 30 phút ngày 11/11/2020; chẩn đoán: Đau vùng hố chậu phải; xuất huyết kết mạc mắt (P).

Bệnh án ngoại số 37575 của Bệnh viện đa khoa tỉnh H (trích sao) cấp cho bệnh nhân Nguyễn Hữu Văn thể h: Vào viện hồi 14 giờ 50 ngày 13/10/2020, ra viện hồi 17 giờ ngày 16/10/2020, chẩn đoán: Vết thương kẽ ngón II, III tay phải, tổn thương thần kinh bên ngón III do bị đánh.

Bệnh án ngoại số 37625 của Bệnh viện đa khoa tỉnh H (trích sao) cấp cho bệnh nhân Trần Văn H4 thể hiện: Ngày vào viện hồi 19 giờ 20 ngày 13/10/2020, ra viện hồi 16 giờ ngày 16/10/2020, chẩn đoán: Chấn động não do bị đánh. Khám bệnh: Vết thương đầu.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 06/21/TgT, ngày 25/12/2020 của V3 - Bộ Y kết luận tỷ lệ phần trăm thương tích của anh Nguyễn Văn Q như sau: Hôn mê Glasgow 5 điểm, thở máy hoàn toàn và tổn thương thiếu máu giai đoạn mạn tính - bán cấp muện bán cầu não trái, nhân xám trung ương bên phải, cuống đại não - cầu não, cuống tiểu não trái chưa đánh giá được di chứng nên chưa xếp tỷ lệ; sẹo thái dương đỉnh trái: 2%; sẹo vùng thái dương trái: 2%; khuyết sọ vùng trán thái dương đỉnh trái: 43%; máu tụ ngoài màng cứng, đã điều trị còn ổ dịch hiện chưa đánh giá được di chứng thần kinh: 18%; mở khí quản: 3%. Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 56%. Thương tích do vật tày cứng tác động gây ra. Cả hai vết thương vùng thái dương trái của anh Q đều có khả năng gây chấn thương sọ não. Các tổn thương Hôn mê Glasgow 5 điểm, phải thở máy hoàn toàn và thiếu máu mạn tính - bán cấp muện bán cầu não trái, nhân xám trung ương bên phải, cuống đại não - cầu não, cuống tiểu não do đang điều trị nên chưa đánh giá được chính xác di chứng. Đề nghị giám định bổ sung khi nạn nhân ra viện.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 77/21/TgT, ngày 02/4/2021 của V3 - Bộ Y kết luận tỷ lệ phần trăm thương tích của anh Nguyễn Văn Q như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: Tổn thương sọ não gây di chứng hôn mê, liệt tứ chi. Sẹo vùng thái dương đỉnh trái. Sẹo vùng thái dương trái. Khuyết sọ vùng trán thái dương đỉnh trái. Máu tụ ngoài màng cứng đã điều trị còn ổ dịch. Sẹo mở khí quản. Ăn qua ống thông dạ dày. Đại tiểu tiện không

tự chủ. Kết luận: Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: **99%**. Áp dụng nguyên tắc cộng trong thông tư.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 329/TgT, ngày 27/11/2020 của Phòng giám định pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh H kết luận tỷ lệ phần trăm thương tích của Nguyễn Văn H: Chấn thương gây vỡ thành trong ổ mắt phải, xung huyết dưới kết mạc, không phát hiện tổn thương, thị lực hai mắt giảm (không đủ yếu tố kết luận do chấn thương gây ra); mức độ tổn hại sức khỏe do thương tích ra là 07%; sẹo vết thương phần mềm vùng đầu ở chẩm trái kích thước nhỏ, mức độ tổn hại sức khỏe do thương tích gây ra là 01%. Các tổn thương trên có đặc điểm do vật tày gây ra. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 08 %.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 322/TgT, ngày 13/11/2020 của Phòng giám định pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh H kết luận tỷ lệ phần trăm thương tích của Nguyễn Hữu V1: Vết thương vùng kẽ ngón II, III bàn tay phải gây đứt rách thần kinh, động mạch bên ngón, có đặc điểm do vật sắc gây ra, anh V1 bị người khác dùng chai bia bằng thủy tinh đánh, mảnh vỡ chai bia gây ra là phù hợp. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02 %.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 321/TgT, ngày 13/11/2020 của Phòng giám định pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh H kết luận tỷ lệ phần trăm thương tích của Trần Văn H4 thể hiện: Chấn thương phần mềm gây sưng nề vùng đầu, có đặc điểm do vật tày gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 0 %.

Tại Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố H xác định: Tổng trị giá tài sản bị thiệt hại gồm vỏ chai bia, cốc thủy tinh; bát sứ; ghế nhựa và gạch đá hoa là 540.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn H không thừa nhận hành vi của mình; các bị cáo Nguyễn Hữu V1, Bùi Văn D, Trần Văn H4 đều khai nhận về hành vi như nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 12/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15, 38, 57 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 17 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03/6/2021 về tội: “Giết người”.

### 3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Q tổng số tiền 1.603.416.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H hàng tháng phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Q tiền chi phí cho người thường xuyên chăm sóc là 760.000/tháng, kể từ tháng 01/2022 đến khi anh Nguyễn Văn Q chết hoặc có Quyết định khác của Cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn kết án và xử phạt các bị cáo khác về các tội Cố ý gây thương tích và tội Gây rối trật tự công cộng; quyết định về xử lý vật chứng, án phí, hậu quả của việc chậm thực hiện trách nhiệm dân sự... và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***Sau khi xét xử sơ thẩm:***

- Ngày 16/1/2022, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị xem xét lại tội danh tránh oan sai cho bị cáo.

- Ngày 23/1/2022, người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Bùi Thị Hoài T2 (vợ bị hại Nguyễn Văn Q) kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo H; yêu cầu bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường các khoản tiền chi phí chữa trị, chăm sóc, thiệt hại về tinh thần, thu nhập bị hại bị mất, tiền nuôi dưỡng cho mẹ và con trai bị hại đến khi trưởng thành.

- Ngày 26/1/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H2 (mẹ bị hại Nguyễn Văn Q) kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị Bùi Thị Hoài T2 (vợ bị hại) phải tiếp tục xây hoàn thiện ngôi nhà cho bà vì chị T2 hiện đang nắm giữ toàn bộ tài sản và buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà một cách thỏa đáng (Đơn kháng cáo ngày 25/01/2022 - BL 1156); Buộc bị cáo bồi thường tiền nuôi dưỡng cho bà một lần với mức 300.000.000 đồng (Đơn kháng cáo ngày 26/01/2022 - BL 1158).

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bị cáo Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo trình bày không có hành vi dùng vũ khí đập 02 phát vào đầu bị hại Nguyễn Văn Q như bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo bị oan.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Bùi Thị Hoài T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo H. Buộc bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị H2 (mẹ đẻ anh Q) và cháu Nguyễn Minh Q1 (con trai anh Q).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H2; người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Nguyễn Quốc H1 và một số người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Kháng cáo của bị cáo, đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là hợp lệ.

+ Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Hành vi phạm tội của bị cáo H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Giết người” mức hình phạt 17 năm tù là tương xứng, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo và chị Bùi Thị Hoài T2 là đại diện cho bị hại không xuất trình được tình tiết mới, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và kháng cáo của đại diện của bị hại về phần hình phạt đối với bị cáo H. Bị hại là anh Quân hiện nay không còn khả năng lao động, không còn khả năng nuôi con, việc chị T2 yêu cầu bị cáo trợ cấp nuôi dưỡng đến khi con của bị hại Quân trưởng thành bản án sơ thẩm chưa xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận phần kháng cáo của chị T2 về phần

cấp dưỡng. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H thấy: bị hại Q trước đây có thu nhập có trách nhiệm cấp dưỡng đối với bà H, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét với nội dung này. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm bác kháng cáo của bị cáo, chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện bị hại và chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

**Luật sư Đinh Ngọc P:** Cơ quan tiến hành tố tụng đã vi phạm tố tụng trong giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm buộc tội H căn cứ vào lời khai của nhân chứng và lời khai của các bị cáo đồng phạm. Bị cáo H độc lập trong vụ án này, Hoàn là thầy giáo của 4 người; còn lại là nhân viên của Q. Tại phiên tòa sơ thẩm, các luật sư đã chỉ ra lời khai mâu thuẫn, vụ án không có thực nghiệm hiện trường, lời khai mâu thuẫn mà không thực nghiệm thì không xác định chính xác được; Nếu tay phải của bị cáo ghi bị hại thì phải đập vào thái dương phải của anh Q. Diễn biến tại quán ăn còn nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ: H trình bày ra ngoài gọi điện khi vào thấy Q và H1 cãi nhau. Tuy nhiên cơ quan điều tra không xác định lịch sử cuộc gọi để xác định thời điểm H đi ra ngoài. Vết máu ở trên mái tôn không được cơ quan điều tra xem xét. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung vụ án. Nếu đề nghị trên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử vẫn tuyên bị cáo có tội thì đề nghị xem xét các tình tiết gia đình bị cáo có công với cách mạng, có huân huy chương giấy khen bằng khen của bố mẹ bị cáo.

**Luật sư Nguyễn Đình T1:** Hiện trường vụ án bị xáo trộn nhiều mảnh thủy tinh vỡ vụn, thời gian từ 13-14 giờ khám nghiệm hiện trường cơ quan điều tra không thu giữ mảnh vỡ vỡ chai. Chị Huyền khai Hữu đập chai bia vào đầu Q vỡ tung, nhiều vết máu bắn trên mái tôn tại sao không bắn máu vào H và H2. Nếu bị cáo H dùng tay phải ghi cổ bị hại thì đối với lực tác động, tay trái có thể đập để máu bắn lên 2m được không? bình inox có vết lún tuy nhiên không được điều tra làm rõ, đây cũng có thể là vật chứng gây án. H thừa nhận khi đang ăn Quân nói xúc phạm nên có dùng tay đập vào Q. H không mâu thuẫn với Q, chỉ có Hoàn mới mâu thuẫn. H không có động cơ, mục đích và ý chí tước đoạt mạng sống của bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung.

**Luật sư Nguyễn Văn V:** Hiện trường của vụ án và lời khai của bị cáo, người làm chứng còn nhiều mâu thuẫn, chưa được làm rõ. Cơ quan điều tra khám nghiệm hiện trường không triệt để. Đối với vết máu chỗ cây xanh, các luật sư có gửi văn bản đề nghị giám định nhưng không được xem xét. Vết máu trên mái tôn rất quan trọng, nếu Quân bị đánh ở bàn ăn thì không thể là H gây nên. Lời khai của H phù hợp với lời khai của H1 tại BL 104 anh Q bị thương chỗ cây xanh do người khác đập chai bia vào đầu là phù hợp hơn. Vì nội dung vụ án còn nhiều tình tiết chưa được làm rõ, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung.

**Luật sư Nguyễn Tuấn A:** H có dùng tay đánh vào người Q 2-3 cái rồi đẩy Q ra. H khai phù hợp với V tại BL 234-268. V và chị H2 khai mâu thuẫn tuy nhiên không được thực nghiệm điều tra vụ án. Hồ sơ vụ án chưa phản ánh đúng

sự thật. Cơ quan tiến hành tố tụng định tội không đúng, vi phạm hoạt động tư pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm điều tra lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Bùi Thị Hoài T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H2 trong thời hạn, có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là bà Nguyễn Thị H2; người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Nguyễn Quốc H1 và một số người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại và đề nghị của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H cho rằng bị cáo bị oan:

- Bị cáo cho rằng: Khi thấy anh Q và anh H1 mâu thuẫn, to tiếng mắng chửi nhau thì bị cáo là người can ngăn; bị cáo không ghì cổ, quàng vai, không dùng vỏ chai bia đập vào vùng đầu anh Q cũng không thấy ai ghì cổ ai, đập chai bia vào đầu ai. Bị cáo chỉ thừa nhận dùng tay phải đâm vào má trái và vai trái của anh Q, dùng tay gạt bát đĩa về phía nhóm anh Q.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai của các bị án: H1 (bạn cùng dạy lái xe, cùng công tác với bị cáo), V1, D và những người làm chứng gồm chị N, chị H5, đều xác định bị cáo H sử dụng chai bia Sài Gòn loại 330ml đập vào đầu Quân tại bàn ăn gây chảy máu; chị T3, anh S cũng khai nhìn thấy H cầm vật gì đánh vào đầu anh Q; anh Nguyễn Tôn H7 (là khách, không liên quan đến nhóm ấu dả) ngồi khác bàn ăn nhìn thấy một người cầm chai bia đập vào đầu người khác, làm vỡ vỏ chai gây ra vết thương thứ nhất của anh Q. Việc xô sát tiếp tục diễn ra giữa hai nhóm gồm nhóm H, H1 (giáo viên lái xe) với nhóm Q, V1, D (công ty B) khi anh Q chạy về phía H, áp sát H, H lại cầm chai bia đập vào đầu anh Q gây ra vết thương thứ 2. Hành vi này của H được chứng minh bằng lời khai của chị N khai chứng kiến sự việc; D, H1 và chị H5 khai nhìn thấy H cầm chai bia đập về phía anh Q, nhưng không xác định trúng vị trí nào, khi đó chỉ có H với anh Q và thấy anh Q loạng choạng đi ra, đầu chảy nhiều máu. H1, V1, D và những người làm chứng đều xác định chỉ có H và anh Q áp sát đánh nhau, không có ai khác đánh nhau với anh Q.

- Bị cáo cho rằng anh Q là người cầm dao chém H1 nhưng H1 tránh được, Q chém tiếp về phía sườn bên trái H làm trầy da, Q và S cầm chai bia đập vào đầu H, Dương cầm điều cày vọt vào mặt H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai này không có căn cứ, không phù hợp với chứng cứ khác. Bởi, H1 khai Q không cầm dao chém H1, không nhìn thấy Q

cầm dao chém H. Người làm chứng chỉ nhìn thấy V1 là người cầm dao, sau đó D đã giăng được dao và ném xuống đất; V1 là người cầm điều cày sau đó chính chị N giăng điều cày từ tay V1 để xuống đất; không ai nhìn thấy có người cầm dao, điều cày đánh, chém nhau. Không ai nhìn thấy Q cầm vỏ chai bia vụt đầu H, người cầm chai bia đập vào đầu bị cáo H là V1 và V1 đã thừa nhận.

(Các bút lục 75, 85 - 94; 105 - 124; 128 - 170; 179 - 229; 233 - 290; 294 - 403; 419 - 436; 503 - 783).

- Cơ quan điều tra đã tiến hành tổ chức nhận dạng. Kết quả:

+ Bị cáo Nguyễn Văn H xác định Bùi Văn D là người cầm điều cày vụt vào gò má sát mắt phải của bị cáo; Nguyễn Văn Q là người dùng chai bia đập vào phía sau đầu bị cáo;

+ Chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị H8 đều xác định bị cáo Nguyễn Văn H là người dùng vỏ chai bia đánh vào đầu anh Nguyễn Văn Q;

+ Cháu Trịnh Minh T4 (con chị H3 chủ quán) xác định Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn Q là hai người đánh nhau tại lối đi xuống bờ sông;

+ Chị Nguyễn Thị H3 (chủ quán) xác định Bùi Văn D và Nguyễn Hữu V1 là hai người dùng vỏ chai bia đánh bị cáo H tại vị trí phía sau ô tô tập lái;

+ Anh Nguyễn Tôn H7 (là khách, không liên quan đến hai nhóm đánh nhau) xác định được anh Q là người bị ghì cổ, bị đánh tại bàn ăn và chảy máu đầu; nhận ra bị cáo H là người giống với người đã đâm anh Q, không xác định được ai dùng vỏ chai đập vào đầu ai (BL 128 - 148)

[2.2] Với những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ, ngày 13/10/2020, tại quán ăn T5, ở khu I, phường T, thành phố H, Nguyễn Văn H đã hai lần dùng vỏ chai bia đập vào đầu Nguyễn Văn Q. Sau khi đập vào đầu D lần thứ nhất, H tiếp tục dùng vỏ chai bia đánh Q nhưng V1 đã đưa tay phải ra đỡ và bị vỏ chai bia đập trúng vào mu bàn tay gây rách da vùng kẽ ngón II, III, đứt rách thần kinh, động mạch bên ngón. Nguyễn Hữu V1 có hành vi đâm đá, dùng vỏ chai bia đập vào đầu Nguyễn Văn H làm H bị bầm tím ở mắt phải và bầm tím ở đùi, bắp tay. Bùi Văn D có hành vi dùng tay chân đâm đá Nguyễn Văn H. H, H1, Q, V1 và D có hành vi dùng vỏ chai bia, cốc thủy tinh, bát sứ ném nhau làm hư hỏng một số tài sản của quán ăn T5, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Hậu quả, anh Nguyễn Văn Q bị chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng lớn bán cầu não bên trái, vỡ xương thái dương đỉnh trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đã được giám định là 99%.

[2.3] Xét thấy: Trong vụ án này, chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhặt khi thấy bị án H1 là bạn cùng là giáo viên dạy lái xe ô tô với bị cáo Nguyễn Văn H cãi chửi nhau với anh Q, bị cáo đã sử dụng vỏ chai bia là hung khí nguy hiểm đập nhiều lần vào vùng đầu của bị hại là vùng trọng yếu của cơ thể, thể hiện tính chất côn đồ, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hậu quả: Anh Q bị tổn hại 99% sức khỏe, không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15, 38, 57 của Bộ luật Hình sự kết

án bị cáo về tội giết người, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và xử phạt bị cáo 17 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với các đặc điểm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về việc bị cáo bị oan. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của chị Bùi Thị Hoài T2 (vợ bị hại Nguyễn Văn Q) về việc tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H:

Điều 123 Bộ luật hình sự quy định về tội giết người có mức hình phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Bị cáo Nguyễn Văn H là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hậu quả chết người chưa xảy ra nên phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, 38, 57 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức hình phạt 17 năm tù là thỏa đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị T2 để tăng hình phạt đối với bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo của chị Bùi Thị Hoài T2 (vợ bị hại Nguyễn Văn Q) và bà H2 (mẹ bị hại Nguyễn Văn Q) về trách nhiệm dân sự:

Điều 590 Bộ luật Dân sự quy định, các khoản tiền bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường trong trường hợp xâm hại về sức khỏe bao gồm:

1....

a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại;

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại;

c) Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần phải có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại;

d) Thiệt hại khác do luật quy định.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn H là người trực tiếp gây thiệt hại về sức khỏe cho anh Nguyễn Văn Q nên phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại. Do anh Q bị tổn hại 99% sức khỏe, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định nêu trên, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường các khoản cụ thể như sau:

- Chi phí chữa trị, tiền thuốc, tiền viện phí. Căn cứ các hóa đơn, chứng từ do đại diện bị hại đã cung cấp tại giai đoạn điều tra (*tính đến ngày 20/9/2021*) là 629.440.966 đồng. Ngoài ra, đại diện bị hại còn kê khai các khoản tiền không có hóa đơn, chứng từ như tiền thuê xe cấp cứu, tiền mua bím, sữa, băng gạc, vật lý trị liệu và các đồ dùng sinh hoạt phục vụ cho việc chăm sóc anh Q là 225.858.000 đồng; mặc dù không có hóa đơn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đây là những chi phí thực tế, hợp lý, phù hợp với thiệt hại của bị hại nên chấp nhận. Tổng số tiền được chấp nhận 855.298.966 đồng là có căn cứ.

Một số khoản kê của đại diện bị hại về chi phí mua thuốc nhưng không có hóa đơn, chứng từ, cũng không có chỉ định của bác sĩ; các khoản kê tiền bồi dưỡng các khoa, bồi dưỡng bác sĩ, điều dưỡng, tiền mua yến sào, mua quạt tích điện... Tòa án cấp sơ thẩm xác định là những khoản chi phí và yêu cầu không phù hợp nên không chấp nhận là đúng.

- Bồi thường về thu nhập thực tế bị mất của anh Nguyễn Văn Q:

Anh Q làm Giám đốc công ty B và Công ty T6, thu nhập thực tế của anh Q trước khi bị thương tích là ổn định, có bảng lương để chứng minh. Đại diện bị hại cung cấp bảng lương của 03 tháng lương liền kề trước ngày 13/10/2020, gồm: Tháng 7/2020 là 53.580.000 đồng, tháng 8/2020 là 31.000.000 đồng và tháng 9/2020 là 30.080.000 đồng; tính trung bình tháng là 38.220.000 đồng/tháng (*tương ứng 1.274.000 đồng/ngày*). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính thu nhập thực tế bị mất của anh Q từ thời điểm ngày 13/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/01/2022 tổng số là 457 ngày x 1.274.000 đồng/ngày = 582.218.000 đồng là đúng.

- Bồi thường về thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc anh Q:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người được bồi thường gồm: Chị Bùi Thị Hoài T2 (*vợ anh Q*), bà Nguyễn Thị H2 (*mẹ anh Q*), anh M (*em anh Q*) cùng trực tiếp chăm sóc anh Q, ngoài ra còn thuê người chăm sóc thêm. Do đại diện bị hại không cung cấp được thời gian cụ thể của từng người chăm sóc; chị T2 không bị mất thu nhập, bà H2 và anh M không có thu nhập cố định. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính thu nhập thực tế bị mất của những người chăm sóc anh Q tương ứng với thu nhập thực tế bị mất của một người tính từ thời điểm ngày 13/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/01/2022 (*tổng 457 ngày*) theo mức thu nhập bình quân do địa phương cung cấp là 73.150.000 đồng/người/năm (*tương ứng 200.000 đồng/ngày*) = 457 ngày x 200.000 đồng/ngày = 91.400.000 đồng là phù hợp.

- Bồi thường để bù đắp tổn thất về tinh thần: Anh Nguyễn Văn Q bị tổn hại 99% sức khỏe nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo bồi thường theo mức tối đa quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự là 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, tương ứng với số tiền: 50 x 1.490.000 đồng = 74.500.000 đồng.

Tổng các khoản bị cáo có nghĩa vụ bồi thường là 1.603.416.966 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn xác định do anh Nguyễn Văn Q bị tổn hại sức khỏe 99%, không tự chăm sóc bản thân mà cần có người chăm sóc. Do đó đã

buộc bị cáo H hàng tháng phải bồi thường chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc anh Q, tính bằng mức tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người tàn tật tại địa phương nơi anh Nguyễn Văn Q cư trú là 02 x 380.000 đồng/tháng = 760.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2022 là phù hợp.

Chị T2 và bà H2 còn kháng cáo đề nghị buộc bị cáo bồi thường khoản tiền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quý Đ1 (*là con anh Q*) và nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị H2 (*là mẹ anh Q*), bồi thường cho bà H2 (mẹ anh Q) tiền nuôi dưỡng bà một lần với mức 300.000.000 đồng là những khoản yêu cầu không phù hợp quy định của pháp luật vì khoản tiền cấp dưỡng chỉ được áp dụng khi người bị hại chết trong vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự.

Với phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tính đúng, tính đủ các khoản mà người bị hại được bồi thường và buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường theo đúng quy định của Bộ luật dân sự nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo và quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa về phần trách nhiệm dân sự.

[5] Về án phí phúc thẩm hình sự: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Văn H; Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị Hoài T2 đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H; không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị Hoài T2 và bà Nguyễn Thị H2 về phần trách nhiệm dân sự.

2. Giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H và quyết định về trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyễn Văn H đối với bị hại tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương như sau:

2.1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15, 38, 57 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 17 năm tù về tội giết người. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03/6/2021.

2.2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 288, 357, 585, 587 và 590 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 1.603.416.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H hàng tháng phải bồi thường chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc anh Q, tính bằng mức tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người tàn tật tại địa phương nơi anh Nguyễn Văn Q cư trú là 760.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2022. Khoản tiền này giao cho chị Bùi Thị Hoài T2 được nhận.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND, VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT, CQTHAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại Tạm giam - CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại và người đại diện;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của bị hại;
- Lưu: VP, HCTP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Hải Thanh**